TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Kim Thu

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, năm sinh 1981; địa chỉ: Tổ 6, khu phố S, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Lâm Thành C, năm sinh 1965; địa chỉ: Tổ 6, khu phố S, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 11/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Lê Thị L trình bày: Bà và Ông Lâm Thành C chung sống với nhau do yêu thương nhau, vì không am hiểu pháp luật nên ông bà không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, bà và Ông C có với nhau 03 người con chung là Lâm Thành Mau, sinh ngày 10/8/2006, Lâm Thành Hòa, sinh ngày 22/9/2007 và Lâm Thị Nhã, sinh ngày 11/9/2012. Tuy nhiên quá trình ông bà chung sống như

vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do Ông C không lo làm ăn, chơi bời số đề, bán hết tải sản của vợ chồng, bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng Ông C không thay đổi nên cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Bà không còn tình cảm với Ông C nên về hôn nhân, bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và Ông C là vợ chồng. Về con chung, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi ba con, không yêu cầu Ông C cấp dưỡng việc nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, quá trình chung sống ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Ông Lâm Thành C trình bày: Ông và Bà L tự quen biết nhau và chung sống từ năm 2006, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống như vợ chồng, ông bà có 03 con chung như Bà L trình bày. Ông thừa nhận ông, bà chung sống cũng có nhiều mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn như Bà L trình bày là không đúng. Tuy nhiên, ông cũng tự nhận thấy giữa ông và Bà L không còn tình cảm vợ chồng nên ông đồng ý ly hôn theo yêu của của Bà L. Về con chung, ông đồng ý giao hết các con là Lâm Thành Mau, Lâm Thành Hòa và Lâm Thị Nhã cho Bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Bà L, Ông C nhưng ông, bà không có mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và Ông C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình thì: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".* Do đó, quan hệ chung sống giữa Bà L và Ông C không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống giữa ông, bà thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau. Bà L và Ông C không còn tình cảm với nhau và Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông, bà là vợ chồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Ông bà có ba con chung là cháu Lâm Thành Mau, sinh ngày 10/8/2006, Lâm Thành Hòa, sinh ngày 22/9/2007 và Lâm Thị Nhã, sinh ngày 11/9/2012. Theo nguyện vọng của các con và sự tự nguyện thỏa thuận của ông bà, xét nên giao các con cho Bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi

các cháu đủ 18 tuổi, là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ông C được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà L cùng các thành viên gia đình không được cản trở Ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Bà L và Ông C về việc Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và Ông C xác nhận quá trình chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bà L phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 14, 15, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận Bà Lê Thị L và Ông Lâm Thành C là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao ba con chung là cháu Lâm Thành Mau, sinh ngày 10/8/2006, Lâm Thành Hòa, sinh ngày 22/9/2007 và Lâm Thị Nhã, sinh ngày 11/9/2012 cho Bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông C được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà L cùng các thành viên gia đình không được cản trở Ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Bà L và Ông C về việc Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp

theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004404 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, Bà L đã nộp xong.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Mai